

Bản án số: 26/2017/DS-ST
Ngày: 28-7-2017
V/v tranh chấp về đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Thanh Sơn
2. Ông Đỗ Văn Chân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 09/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 2 năm 2017 về “Tranh chấp về đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST – DS ngày 20 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngô Thị T, sinh năm 1971, nơi cư trú: tổ 3, khu phố X, phường TĐ, thị xã Đ, tỉnh B, (vắng mặt).

Bà Ngô Thị T uỷ quyền cho ông Dương Vĩnh K, sinh năm 1971, nơi cư trú: tổ 2, khu phố Z, phường TĐ, thị xã Đ, tỉnh B, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị NY, sinh năm 1964, nơi cư trú: tổ 3, khu phố M, phường TB, thị xã Đ, tỉnh B, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2017 của nguyên đơn bà Ngô Thị T, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Vĩnh K trình bày:

Ngày 29/11/2011, bà Ngô Thị T có cho bà Trần Thị NY vay số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) với thời hạn mượn 06 tháng, không thỏa thuận lãi suất, khi vay 02 bên có viết giấy biên nhận. Tuy nhiên, sau khi vay tiền cho đến năm 2013 thì bà Trần Thị NY chỉ mới trả nhiều lần được tổng số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), hiện còn nợ 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc.

Do thời hiệu khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết, ông K đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản và căn cứ các

quy định của pháp luật về quyền đòi lại tài sản, giải quyết vụ án buộc bà NY có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), bà T không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Bị đơn bà Trần Thị NY trình bày:

Do quen biết với bà T nên vào năm 2011, bà không nhớ ngày tháng bà có vay của bà T số tiền là 100.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 4.000.000đồng/tháng/100.000.000đồng, khi vay bà T có viết giấy biên nhận, khoản vay này bà NY đã trả đầy đủ tiền gốc và tiền lãi cho bà T vào ngày 15/01/2012 âm lịch.

Sau này, bà NY không nhớ ngày, tháng, năm thì bà có vay của bà T thêm 40.000.000đồng, bà không nhớ có viết giấy biên nhận không, bà chỉ nhớ thỏa thuận là mỗi tháng bà phải trả cho bà T 1.600.000đồng tiền lãi. Trong số tiền 40.000.000đ vay lần này thì bà đã trả cho bà T được 5.000.000đồng tiền nợ gốc, còn tiền lãi thì trước đây bà đã đóng đầy đủ nhưng bà không nhớ đã đóng bao nhiêu tiền lãi. Từ năm 2013 đến nay do việc làm ăn thất bại, bà lại bị bệnh nên không trả thêm được khoản tiền nào nữa. Bà NY xác định bà còn nợ bà T tổng số tiền gốc là 35.000.000đồng. Nay, bà T là yêu cầu bà phải trả số tiền nợ gốc là 35.000.000đồng thì bà đồng ý trả, nhưng do bà đang bị bệnh nên xin được trả toàn bộ số nợ vào năm 2019 hoặc được trả dần mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) từ nay cho đến khi trả hết số tiền trên.

Tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với thẩm phán Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; các Điều 35, 39, 184, 185, 147 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 155, 463, 466, 278, 280 và 429 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) nợ gốc cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Xét, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Vĩnh K cho rằng vào ngày 29/11/2011 bà T cho bà NY vay số tiền 110.000.000đ, khi vay hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 06 tháng, sau đó bà NY đã trả nợ nhiều lần với tổng số tiền 75.000.000đ, còn nợ lại 35.000.000đ; từ khi hết hạn trả nợ đến nay hai bên không có thỏa thuận nào về việc gia hạn thời hạn trả nợ. Còn bà NY thì cho rằng năm 2011, bà không nhớ ngày tháng, bà có vay của bà T số tiền là 100.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 4.000.000đồng/tháng/100.000.000đồng, khi vay bà T có viết giấy biên nhận, khoản vay này bà NY đã trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho bà T vào ngày 15/01/2012 âm lịch. Nhưng sau đó, bà có vay thêm của bà T số tiền 40.000.000đ và trả được 5.000.000đ, từ năm 2013 đến nay do việc làm ăn thất bại, bà lại bị bệnh nên không trả thêm được khoản nào nữa.

[2]. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn cho rằng thời hạn vay tiền giữa các bên là 06 tháng, nếu bà NY không trả nợ đúng theo thỏa thuận thì theo quy định tại các Điều 517, 184 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 Bộ luật dân sự thì bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà NY trong thời hạn 03 năm kể từ ngày 29/5/2012. Nhưng, đến ngày 18/01/2017 bà T mới có đơn khởi kiện yêu cầu bà NY trả nợ là đã quá 03 năm kể từ ngày bà T biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bà NY thừa nhận mình còn nợ bà T số tiền 35.000.000đ nhưng bà không nhớ bà vay số tiền 40.000.000đ vào ngày tháng năm nào và có thỏa thuận thời hạn trả nợ không mà chỉ nhớ đến năm 2013 thì việc làm ăn thất bại và bệnh tật nên không trả được nợ cho đến nay. Do nguyên đơn đề nghị áp dụng quy định về thời hiệu nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật đối với tranh chấp giữa bà T và bà NY là “Tranh chấp về đòi tài sản”.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, các bên trình bày không thống nhất về số tiền nợ ban đầu, cụ thể: theo nguyên đơn thì số tiền 35.000.000đ bà NY hiện còn nợ nằm trong số tiền 110.000.000đ bà T cho bà NY vay vào ngày 29/11/2011, còn bà NY thì không thừa nhận vào ngày 29/11/2011 bà có vay của bà T số tiền 110.000.000đ, mà chỉ thừa nhận năm 2011 bà có vay của bà T số tiền 100.000.000đ, số tiền này bà đã trả hết nợ và sau đó bà có vay thêm 40.000.000đ, bà đã trả được 5.000.000đ nhưng bà NY không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc bà có vay của bà T số tiền 100.000.000đ cũng như số tiền 40.000.000đ như bà trình bày. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hiện bà NY còn nợ bà T số tiền 35.000.000đ, do vậy Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bà NY phải trả bà T số tiền này.

[4]. Xét ý kiến của bà NY về việc bà đề nghị được trả số nợ 35.000.000đ theo phương thức: đến năm 2019 bà sẽ trả toàn bộ số tiền này hoặc được trả nợ dần mỗi tháng 500.000đ từ nay cho đến khi hết nợ do hiện nay bà đang phải đi chữa bệnh không có khả năng trả nợ một lần. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 278 Bộ luật dân sự quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ, thì:

“1. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.

.....”

Và theo Điều 280 của Bộ luật dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì:

“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

.....”

[5]. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với đề nghị về phương thức trả nợ của bà NY. Hội đồng xét xử xét thấy, khi giao dịch vay tiền các bên không có thỏa thuận nào về việc bà NY sẽ được trả nợ dần, pháp luật dân sự cũng không có quy định về việc người có nghĩa vụ trả tiền được thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo khả năng nếu không có sự thỏa thuận giữa các bên đương sự. Do vậy, đề nghị về phương thức trả nợ của bà NY không được chấp nhận.

[6]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các Điều 35, 39, 184, 185, 147 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 155, 463, 466, 278, 280 và 429 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T.

Buộc bà Trần Thị NY phải có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị T số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà T không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài hoàn trả cho bà T số tiền 875.000đ (tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001739, quyền số 35 ngày 14/02/2017;

Bà NY phải chịu: 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày thỏa thuận có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TX Đồng Xoài;
- CC THA DS TX Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi